

Số: 02/2019/QĐST-DS
“V/v yêu cầu công nhận kết quả
hòa giải thành về tranh chấp di
sản thừa kế”

Nghệ An, ngày 31 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Thư ký phiên họp: Ông Bùi Văn Đồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 74/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2019 về việc “Yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành về tranh chấp di sản thừa kế”.

Theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2019/QĐST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa:

- ***Người yêu cầu:*** Chị Trần Thị L, sinh năm 1984. Có mặt.

Trú tại: Xóm xã HL, tpv, NA

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Anh Nguyễn Đình N, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Địa chỉ HKTT trước khi xuất cảnh: Khối TL, phường HD, V, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang cư trú tại: Số nhà 410 - 1431 Gotemba - Shizuoka - Japan (Nhật Bản).

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Đình N: Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1962. Có mặt.

Trú tại: Khối TL, phường HD, V, tỉnh Nghệ An.

+ Anh Nguyễn Đình D, sinh năm 1991.

Trú tại: Khối TL, phường HD, V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Đình D: Ông Nguyễn Đình Ng, sinh năm 1951. Trú tại: Khối TL, phường HD, V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Đình Ng, sinh năm 1951. Có mặt.

Trú tại: Khối TL, phường HD, V, tỉnh Nghệ An.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958. Vắng mặt.

Trú tại: Khối TL, phường HD, V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Ông Nguyễn Đình Ng, sinh năm 1951, Trú tại: Khối TL, phường HD, V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1962. Có mặt.

Trú tại: Khối TL, phường HD, V, tỉnh Nghệ An.

+ Anh Nguyễn Đình Ch, sinh năm 1974. Vắng mặt.

Khối TL, phường HD, V, tỉnh Nghệ An.

Người giám hộ cho anh Nguyễn Đình Ch: Ông Nguyễn Đình Ng, sinh năm 1951. Trú tại: Khối TL, phường HD, V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

+ Bà Lê Ngọc T, sinh năm 1972 (Vợ ông Nguyễn Đình V, chết năm 2016). Vắng mặt.

Trú tại: Khối TL, phường HD, V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Ngọc T: Ông Nguyễn Đình Ng, sinh năm 1951. Trú tại: Khối TL, phường HD, V, tỉnh Nghệ An. (Có mặt).

+ Chị Nguyễn Thanh M, sinh năm 1994 (Con ông Nguyễn Đình V, chết năm 2016). Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Đình Th, sinh năm 2003 (Con ông Nguyễn Đình V, chết năm 2016). Vắng mặt.

Đều trú tại: Khối TL, phường HD, V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp cho anh Nguyễn Đình Th: Bà Lê Ngọc T, sinh năm 1972 (Vợ ông Nguyễn Đình V, chết năm 2016). Trú tại: Khối TL, phường HD, V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Cháu Nguyễn Trần Trang Nh, sinh ngày 28/7/2006 (Con ông Nguyễn Đình Ph)

Người đại diện hợp pháp cho cháu Nguyễn Trần Trang Nh: Chị Trần Thị L (Mẹ đẻ). Trú tại: Xóm xã HL, tpt, NA

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 06/8/2019, người yêu cầu chị Trần Thị L trình bày:

Chị và ông Nguyễn Đình Ph kết hôn với nhau ngày 15/01/2006. Năm 2009, vợ chồng làm thủ tục ly hôn và được Tòa án nhân dân thành phố Vinh công nhận thuận tình ly hôn vào ngày 11/9/2009, nhưng thực chất vợ chồng vẫn sống chung với nhau bình thường. Ngày 06/01/2012, đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân phường Hưng Dũng. Trước khi kết hôn với chị thì ông Nguyễn Đình Ph đã có 2 con trai, chung với người vợ trước đã ly hôn là Nguyễn Đình N và Nguyễn Đình D. Giữa chị và ông Ph có một con gái chung là Nguyễn Trần Phương Nh, sinh

28/7/2006. Tài sản chung của chị và ông Pphát sinh trong thời kỳ hôn nhân có 2 thửa đất, một thửa 131m² tại khối T, phường H và một thửa 136,53m², tại xóm 13 xã H, trên thửa đất này có ngôi nhà xây trên lợp tôn. Ngày 20/12/2014, ông Pchết do tai nạn, trước khi chết ông Pkhông để lại di chúc. Trước khi ông Pchết vợ chồng ở trên ngôi nhà tại xóm 13, xã Hưng Lộc, sau khi ông Pchết chị và cháu Nh vẫn ở tại ngôi nhà ở xóm 13, xã Hưng Lộc cho đến nay. Trong đơn khởi kiện chị Lyêu cầu: Chia tài sản chung của chị và ông Ptheo quy định của pháp luật; Chia di sản thừa kế của ông Ptheo quy định của pháp luật cho vợ và các con của ông P. Nay chị Trần Thị L rút yêu cầu chia tài sản chung, giữ nguyên yêu cầu chia di sản thừa kế của ông P. Di sản của ông P để lại chị Trần Thị L yêu cầu chia là:

1. Thửa đất số 200, tờ bản đồ số 32, diện tích 131m² đất ở tại Khối T, phường H. Đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 712315, ngày 16/02/2012, mang tên ông Nguyễn Đình Ph.

2. Thửa đất số 317, tờ bản đồ số 19, diện tích 136,53m² đất ở tại xóm 13 xã H. Đất đã được UBND thành phố Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 822032, ngày 26/10/2009, mang tên ông Nguyễn Đình Ph. Trên thửa đất có một ngôi nhà 2 gian lợp tôn hiện nay chị L và cháu Nh đang ở và 01 gian ột lợp tôn, chị L đang kinh doanh kiếm sống hàng ngày.

Nay chia thừa kế chị Trần Thị L yêu cầu được sử dụng thửa số 317, tờ bản đồ số 19, diện tích 136,53m² đất ở tại xóm 13 xã H. Chị L sẽ trích chênh lệch cho các thừa kế khác. Chị Trần Thị L có thời gian sống trên thửa đất, sau khi ông Pchết, chị cũng ở trên thửa đất cho đến nay. Nay chia di sản thừa kế của ông Pchị L không yêu cầu về công sức của mình mà đề nghị chia đều cho các thừa kế. Hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 317, tờ bản đồ số 19, diện tích 136,53m² đất ở tại xóm 13 xã H chị L đang giữ, không cầm cố, thế chấp, còn Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 200, tờ bản đồ số 32, diện tích 131m² đất ở tại khối T, phường H đang do anh Nguyễn Đình D giữ cũng không cầm cố, thế chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Đình Ng và Nguyễn Đình C thống nhất trình bày: Không đồng ý với yêu cầu của chị L là chia tài sản chung vì 2 thửa đất chị L nêu ra là có thật, nhưng đó là tài sản riêng của ông Nguyễn Đình Ph có trước khi kết hôn chị L. Ông Nguyễn Đình Ph chết tháng 12/2014, trước khi chết không có di chúc, ông P có vợ và con đẻ như chị Trần Thị L trình bày là đúng. Ngoài ra ông P còn có mẹ là bà Hoàng Thị L mẹ ông P chết năm 2016 (chết sau ông P). Mẹ ông P có 7 người con (Trong đó có 1 con là liệt sỹ khi chưa có vợ con) là: Ông Nguyễn Đình Ng, sinh năm 1954; Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1962; ông Nguyễn Đình Ch; ông

Nguyễn Đình V (chết năm 2016), ông V có vợ là Lê Ngọc T và 2 con là Nguyễn Thanh M, sinh năm 1994 và anh Nguyễn Đình Th, sinh năm 2003; Ông Nguyễn Đình Ph (chết năm 2014), ông P có vợ là chị L (người yêu cầu) và 3 con đẻ là Nguyễn Đình N, Nguyễn Đình D và Nguyễn Trần Phương Nh. Cho nên chị L yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật là phải chia cho cả vợ, con và mẹ của ông P là bà Hoàng Thị L. Nay bà chết thì phải chia cho các con của bà được hưởng.

Tại biên bản hòa giải thành ngày 06/8/2019 tại Trung tâm Hòa giải, đôi thoại các bên thống nhất giải quyết các vấn đề tranh chấp như sau:

1. Di sản của ông Nguyễn Đình Ph để lại cho các thừa kế là 2 thửa đất. Trị giá thửa đất số 317, tờ bản đồ số 19, diện tích 136,53m² đất ở tại xóm 13 xã H là 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng. Trị giá thửa đất số 200, tờ bản đồ số 32, diện tích 131m² đất ở tại Khối T, phường H là 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng. Tổng giá trị di sản của ông P để lại cho các thừa kế là 2.500.000.000 (Hai tỷ năm trăm triệu) đồng.

2. Giá trị di sản của ông P được chia ra 5 phần bằng nhau. Mỗi kỷ phần là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng. Cụ thể bà Trần Thị L, cháu Nguyễn Trần Phương Nh, anh Nguyễn Đình N, anh Nguyễn Đình D mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế của ông P là 500.000.000 đồng; Các thừa kế của bà Hoàng Thị L là Ông Nguyễn Đình Ng, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình C, ông Nguyễn Đình Ch, vợ con ông Nguyễn Đình V (chết năm 2016), được hưởng kỷ phần của bà Hoàng Thị L là 500.000.000 đồng, các thừa kế của bà Hoàng Thị L thỏa thuận giao cho Ông Nguyễn Đình Ng quản lý, không yêu cầu chia.

3. Phân chia cụ thể như sau:

3.1. Chị Trần Thị L được quyền sử dụng thửa đất số 317, tờ bản đồ số 19, diện tích 136,53m² đất ở tại xóm 13 xã H. Đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 822032, ngày 26/10/2009, mang tên ông Nguyễn Đình Ph, trị giá 1.500.000.000 đồng, nhưng phải trích chia kỷ phần cho cháu Nguyễn Trần Phương Nh là 500.000.000 đồng (tương đương 1/3 giá trị thửa đất) và cho Ông Nguyễn Đình Ng (Đại diện quản lý giá trị di sản cho các thừa kế của bà Hoàng Thị L) là 500.000.000 đồng (tương đương 1/3 giá trị thửa đất).

3.2. Anh Nguyễn Đình D được quyền sử dụng thửa đất số 200, tờ bản đồ số 32, diện tích 131m² đất ở tại Khối T, phường H. Đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 712315 ngày 16/02/2012, mang tên ông Nguyễn Đình Ph trị giá 1.000.000.000 đồng, nhưng phải trích chia kỷ phần thừa kế cho anh Nguyễn Đình N là 500.000.000 đồng (tương đương 1/2 giá trị thửa đất).

3.3. Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận mà chị Trần Thị L và anh Nguyễn Đình D không trích chênh lệch cho các thừa kế theo thỏa thuận thì kể từ tháng thứ 7 trở đi chị L và anh D phải trích kỷ phân cho các thừa kế tương đương giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường tại thời điểm trích tiền.

Tại phiên họp, chị Trần Thị L, ông Trần Đình Ng và anh Trần Đình C thống nhất không yêu cầu Tòa án công nhận một phần nội dung đã thỏa thuận, cụ thể: “Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận mà chị Trần Thị L và anh Nguyễn Đình D không trích chênh lệch cho các thừa kế theo thỏa thuận thì kể từ tháng thứ 7 trở đi chị L và anh D phải trích kỷ phân cho các thừa kế tương đương giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường tại thời điểm trích tiền”.

Chị Trần Thị L thỏa thuận chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên họp nhận xét việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị Tòa án căn cứ điều 417 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị L công nhận kết quả hòa giải thành về tranh chấp di sản thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị L yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành về tranh chấp di sản thừa kế. Việc yêu cầu của chị Trần Thị L có liên quan đến quyền, lợi ích của anh Nguyễn Đình N hiện đang cư trú tại Nhật Bản. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, việc yêu cầu của chị Trần Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự và giấy triệu tập tham gia phiên họp cho nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã ủy quyền lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia phiên họp hợp lệ theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[5] Ngày 06/8/2019 Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã tiến hành hòa giải vụ án tranh chấp di sản thừa kế giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Đình N, Nguyễn Đình D.

Tại phiên họp chị Trần Thị L, ông Trần Đình Ng và anh Trần Đình C thống nhất không yêu cầu Tòa án công nhận nội dung đã thỏa thuận, cụ thể: “Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận mà chị Trần Thị L và anh Nguyễn Đình D không trích chênh lệch cho các thừa kế theo thỏa thuận thì kể từ tháng thứ 7 trở đi chị L và anh D phải trích kỷ phân cho các thừa kế tương đương giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường tại thời điểm trích tiền”. Và đề nghị Tòa án công nhận các nội dung còn lại

Chị Trần Thị L thỏa thuận chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Nhận thấy, việc các đương sự thống nhất rút một phần nội dung đã thỏa thuận và đề nghị công nhận các nội dung còn lại của các bên tại Biên bản hòa giải thành ngày 06/8/2019 tại Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba nên theo quy định tại Điều 417 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị L: Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo Biên bản hòa giải thành ngày 06/8/2019 tại Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và yêu cầu rút một phần đã thỏa thuận của chị Trần Thị L tại phiên họp.

[3] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị L thỏa thuận chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 7 Điều 27; điểm b khoản 1 Điều 37; điểm s khoản 2 Điều 39; Điều 68; Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371; Điều 416; Điều 417; Điều 418; khoản 2 Điều 419 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 74/DSST ngày 23 tháng 8 năm 2019 do chị Trần Thị L yêu cầu, cụ thể như sau:

Di sản của ông Nguyễn Đình Ph để lại cho các thừa kế là 2 thửa đất. Trị giá thửa đất số 317, tờ bản đồ số 19, diện tích 136,53m² đất ở tại xóm 13 xã H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An là 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng. Trị giá thửa đất số 200, tờ bản đồ số 32, diện tích 131m² đất ở tại Khối TL, phường HD,

V, tỉnh Nghệ An là 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng. Tổng giá trị di sản của ông Pđề lại cho các thừa kế là 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu) đồng.

Giá trị di sản của ông Pđược chia ra 5 phần bằng nhau. Mỗi kỷ phần là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng. Cụ thể chị Trần Thị L, cháu Nguyễn Trần Phương Nh, anh Nguyễn Đình N, anh Nguyễn Đình D mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế của ông Plà 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng; Các thừa kế của bà Hoàng Thị Llà Ông Nguyễn Đình Ng, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình C, ông Nguyễn Đình Ch, vợ con ông Nguyễn Đình V (chết năm 2016), được hưởng kỷ phần của bà Hoàng Thị Llà 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, các thừa kế của bà Hoàng Thị Lthỏa thuận giao cho Ông Nguyễn Đình Ng quản lý, không yêu cầu chia.

Phân chia cụ thể như sau:

- Chị Trần Thị L được quyền sử dụng thửa đất số 317, tờ bản đồ số 19, diện tích 136,53m² đất ở tại xóm 13 xã H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 822032 ngày 26/10/2009 mang tên ông Nguyễn Đình Ph, trị giá 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng, nhưng phải trích chia kỷ phần cho cháu Nguyễn Trần Phương Nh là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng (tương đương 1/3 giá trị thửa đất) và cho Ông Nguyễn Đình Ng (Đại diện quản lý giá trị di sản cho các thừa kế của bà Hoàng Thị L) là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng (tương đương 1/3 giá trị thửa đất).

- Anh Nguyễn Đình D được quyền sử dụng thửa đất số 200, tờ bản đồ số 32, diện tích 131m² đất ở tại Khối TL, phường HD, V, tỉnh Nghệ An. Đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 712315 ngày 16/02/2012 mang tên ông Nguyễn Đình Ph trị giá 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng, nhưng phải trích chia kỷ phần thừa kế cho anh Nguyễn Đình N là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng (tương đương 1/2 giá trị thửa đất).

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị L chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng lệ phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003992, ngày 06/8/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Thái Thị Hồng Vân